TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2026/QĐST-HNGĐ.	*Hưng Yên, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vũ Đức T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thôn 3, xã T, tỉnh Hưng Yên.

CCCD: 0330.....

- Chị Lê Thị D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn 3, xã T, tỉnh Hưng Yên.

CCCD: 0331.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ vợ chồng: anh Vũ Đức T và chị Lê Thị D là hai người cùng địa phương, kết hôn với nhau tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 15/7/2005 là đúng.

Sau khi kết hôn chị D về gia đình anh T sinh sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung, cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng cũng dần lạnh nhạt. Anh T và chị D cũng đã cố gắng tháo gỡ mâu thuẫn của vợ chồng để vợ chồng chung sống nuôi dạy con chung nhưng càng chung sống với nhau thì mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tháo gỡ được mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ cuối năm 2020 anh chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng đôc lập.

Đến nay cả anh T, chị D đều xác định, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên anh chị đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/02/2026 giữa anh T và chị D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được công nhận là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: anh T, chị D có 02 con chung là cháu Vũ Thị Kim A, sinh ngày 31/01/2006 và cháu Vũ Anh T, sinh ngày 18/8/2007. Hiện nay cả hai con chung của anh chị đã thành niên và tự lập được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3].Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: anh T, chị D tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4].Về lệ phí: anh T, chị D thỏa thuận, anh T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đức T và chị Lê Thị D

1.2. Về con chung: anh T, chị D có 02 con chung là cháu Vũ Thị Kim A, sinh ngày 31/01/2006 và cháu Vũ Anh T, sinh ngày 18/8/2007. Hiện nay cả hai con chung của anh chị đã thành niên và tự lập được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung; công nợ;công sức; ruộng canh tác: anh T, chị D đều tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000223 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;*
- *VKSND nhân dân khu vực 3- Hưng Yên;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã Triệu Việt Vương (số 022/2005 ngày 15/7/2005).*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Oanh